

Bản án số: 81 /2017/HSST
Ngày 11 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Huy Bảo;
2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện VKSND thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 07 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B. Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 73/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trọng Đ**, sinh ngày 13/3/1998; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn L, xã KL, huyện LN, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hoá: 9/12; con ông: Nguyễn Trọng G, sinh năm: 1965; con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 21/02/2017, bị tạm giữ, tạm giam từ đó đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

(Có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Trọng Đ bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 21/02/2017 tại khu vực quán nước vỉa hè cổng sau Bến xe khách B, đường N2, phường Q, thành phố B, tỉnh B, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1998, trú tại: thôn L, xã KL, huyện LN, tỉnh B có hành vi

tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa và viền màu đỏ, được hàn kín bên trong đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp (dạng đá), thu giữ tại nền đất trên vỉa hè cạnh chỗ Nguyễn Trọng Đ đang đứng do Đ thả từ tay phải xuống khi bị bắt;

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Viettel màu đỏ, đã qua sử dụng.

Tổ công tác tiến hành niêm phong tại chỗ vật chứng nghi ma túy vào một phong bì thư, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Kết luận giám định số 236/KL-PC54 ngày 22/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận:

“Trong 01 (một) phong bì thư đã được niêm phong gửi giám định: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa và viền màu đỏ, được hàn kín là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng (khối lượng): 4,498 gam.”

Quá trình điều tra, Nguyễn Trọng Đ khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng ngày 19/02/2017, thông qua mạng xã hội Đ nhận được tin nhắn của người quen tên là D, sinh năm 2000, ở khu XG1, phường TNH, thành phố B nhờ mua hộ 1.300.000 đồng ma túy đá. Chiều ngày 21/02/2017, Đ đang ở ngã tư Thân, huyện LN tỉnh B thì gặp bạn tên T ở xã CD, huyện LN, Đ mượn điện thoại của T rồi gọi điện thoại cho người quen tên Đô ở thành phố B hỏi mua ma túy cho D, Đô đồng ý và hẹn gặp Đ ở Bưu điện chín tầng thuộc phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B để giao dịch. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/02/2017, Đ đi xe khách từ nhà đến thành phố B đến Bưu điện chín tầng thuộc phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B gặp Đô. Khi gặp nhau, Đô đi xe mô tô đưa Đ đến một nhà nghỉ ở phường Thọ Xương, thành phố B, Đ không nhớ tên nhà nghỉ. Đ đứng chờ, Đô đi vào trong nhà nghỉ một lúc thì quay ra chờ Đ đến khu vực công sân vận động B. Đô đưa cho Đ mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, còn Đô đi đâu đó. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho D hẹn gặp nhau tại quán nước vỉa hè cổng sau Bến xe khách B. Đ thuê xe taxi đến chỗ hẹn gặp D. Trong lúc ngồi uống nước tại quán nước vỉa hè, Đ gọi điện thoại cho Đô đến để mua ma túy. Khoảng 15 phút, Đô đến chỗ hẹn mang ma túy cho D xem, do D chưa đủ tiền nên Đô bỏ đi, còn Đ và D ngồi chờ Đô tại quán nước. Khoảng 20 phút sau, Đô quay lại chỗ Đ và D ngồi đưa cho Đ 1 túi ni lon đựng ma túy đá để Đ đưa cho D, nhưng Đ chưa kịp đưa túi ni lon đựng ma túy đó cho D thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ Đ cùng vật chứng, còn Đô và D chạy thoát.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Trọng Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 79/KSĐT ngày 26/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Trọng Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Trọng Đ khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai, bị cáo công nhận là đúng và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng Đ từ 27 (Hai bảy) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày 21/02/2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 76; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng tang vật thu giữ, kết quả giám định vật chứng, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 17 giờ 30 phút ngày 21/02/2017 tại khu vực quán nước vỉa hè sau bến xe khách B, đường N2, phường Q, thành phố B, tỉnh B, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Nguyễn Trọng Đ có hành vi tàng trữ trái phép 4,498 gam ma túy Methamphetamine. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì lợi ích cá nhân đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy và gây mất trật tự an ninh xã hội. Ma túy là mối hiểm họa, làm xói mòn đạo đức và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự và có

hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Tiền án, tiền sự: Không

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội nhưng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 22/3/2017 với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác định: Điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của gia đình Đ khó khăn, không có khả năng thi hành hình phạt tiền. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho Đ, do Đ khai chỉ biết tên là Đô nhưng không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đủ căn cứ xác minh để xử lý.

Đối với người thanh niên tên D, sinh năm 2000, ở khu XG1, phường TNH, thành phố B nhờ Đ mua hộ ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có người nào tên, tuổi, địa chỉ như Đ khai, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người thanh niên T ở xã CD, huyện LN cho Đ mượn điện thoại do Đ khai không biết địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đã qua sử dụng, là tài sản bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Trọng Đ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/02/2017.

+ **Về vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đã qua sử dụng

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo lệnh xuất kho vật chứng số 68/KSĐT ngày 29/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B).

+ **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục THADS TPB;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

